My name is: _____

WORKSHEET

FFs1 – Unit 3.6	Teacher's feedback

Task 1: Uncramble the letters and write. (Con sắp xếp chữ cái và viết từ nhé.)

1.  e e y

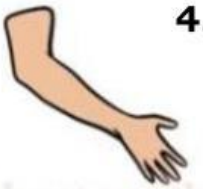
_ _ _

2.  a e r

_ _ _

3.  o e n s

_ _ _ _

4.  m a r

_ _ _

www.worksheetspack.com

5.  c f a e

_ _ _ _

6.  i h r a

_ _ _ _

7.  u t o h m

_ _ _ _ _

8.  n a h d

_ _ _ _

9.  h e t e t

_ _ _ _ _

10.  o t f o

_ _ _ _

LIVEWORKSHEETS

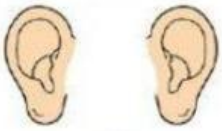
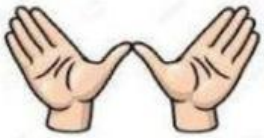
Task 2. Change the words into plural forms. (Con chuyển các từ sau sang hình thức số nhiều nhé.)

1. Apple → Apples
2. Book →
3. Ball →
4. Pencil →
5. Dog →
6. Car →
7. Eye →
8. Nose →
9. Cat →
10. Box →
11. Ant →
12. Bag →
13. Ear →
14. Leg →
15. Pen →
16. Fan →
17. Bag →
18. Arm →
19. Cake →
20. Bus →

LIVEWORKSHEETS

Task 3. Look and write "This is/These are".

(Con và viết *"This is/These are"* nhé.)

	1. ..... my head.
	2. ..... my ears.
	3. ..... my hair.
	4. ..... my teeth.
	5. ..... my eyes.
	6. ..... my nose.
	7. ..... my hands.
	8. ..... my mouth.
	9. ..... my chin.
	10. ..... my legs.
	11. ..... my cheeks.

LIVEWORKSHEETS